TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG PHÚ** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **30**/2023/DSST
Ngày 16-6-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Tòa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Trung Thành

Ông Nguyễn Đăng Thường.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trương Văn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Đoàn Lương Hoàng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2022/TLST - DS ngày 07/12/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-DS ngày 08/5/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-DS ngày 09/6/2023 của TAND huyện Đồng Phú, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: - Bà Lê Thị M, sinh năm 1987(có mặt).
Trú tại: Đội 3, Ấp 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh B

+ Bị đơn: - Ông Lê Văn Ng, sinh năm 1963(vắng mặt).
- Bà Lê Thị C, sinh năm 1966(có mặt).
Cùng trú tại: Ấp 1, xã Đ, huyện P, tỉnh Bc.

+ Người làm chứng: Ông Lê Văn Hg, sinh năm 1978(xin vắng mặt).
Trú tại: Số 81, Nguyễn Văn L, khu phố T, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2022; bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị M trình này:*

Vào ngày 28/02/2022 bà C và ông Nguyên có lập hợp đồng vay của bà M số tiền 900.000.000đồng (Chín trăm triệu đồng) hẹn đến ngày 28/7/2022 sẽ trả, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận không vượt quá lãi suất quy định của pháp luật. Khi vay có ông Nguyên, bà C có ký và điểm chỉ vào giấy vay tiền, có ông Lê Văn H là người

làm chứng ký tên trong giấy vay. Nhưng khi đến ngày trả bà M đã nhiều lần liên lạc với ông Nguyên và bà C để yêu cầu trả nợ bằng điện thoại nhưng ông Nguyên, bà C cứ hẹn ngày này đến ngày khác, bà M đã đến tận nhà bà C, ông Nguyên nhưng ông Nguyên, bà C cứ cố tình trốn tránh không trả tiền và thách bà M khởi kiện ra Tòa án.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C, ông Nguyên phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà M số tiền gốc vay 900.000.000đồng và lãi suất là 12%/năm (1%/tháng) của số tiền vay từ ngày 28/7/2022 đến khi xét xử sơ thẩm.

** Tại bản tự khai và quá trình hòa giải, tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị C trình bày:*

- Bà C không đồng ý trả cho bà M số tiền vay 900.000.000đồng. Bà C chỉ đồng ý trả cho chị M diện tích đất mua 240.000.000đồng/10m đất, lý do đây là số tiền mua đất chứ không phải là vay mượn nên không đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn.

* Bị đơn ông Lê Văn Ng: vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết, xét xử.

* Người làm chứng ông Lê Văn H trình bày:

Vào ngày 28/02/2022 ông H có chứng kiến với tư cách người làm chứng việc lập giấy vay tiền giữa bà Lê Thị bà C, ông Lê Văn Ng với bà Lê Thị M số tiền 900.000.000đồng (Chín trăm triệu đồng) hẹn đến ngày 28/7/2022 sẽ trả, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Khi vay có ông Nguyên, bà Cử ký và điểm chỉ vào giấy vay tiền.

Việc ông Nguyên, bà Cử với bà M làm ăn với nhau như thế nào thì ông H không rõ, nhưng khi mời làm chứng thì ông H cũng có biết là trước đây bà M có nhận chuyển nhượng đất của bà C, ông Nguyên (không rõ diện tích ở đâu) nhưng lâu quá không làm thủ tục chuyển nhượng được, do đó bà C, ông Nguyên thỏa thuận với bà M là nhận lại diện tích đất đã chuyển nhượng cho bà M với giá 900.000.000 đồng và lập giấy thỏa thuận vay tiền 900.000.000đồng, còn việc mua bán đất hai bên thống nhất hủy bỏ. Ngoài ra không trình bày gì thêm và do bận việc nên ông H xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

** Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu tuân theo pháp luật tố tụng của của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của đương sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Do nguyên đơn khởi kiện có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tòan bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn liên đới trả số tiền gốc vay 900.000000đồng và lãi suất 12%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ được thẩm tra tại phiên tòa, qua phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" do nguyên đơn bà Lê Thị M thực hiện quyền khởi kiện. Do bị đơn Lê Văn Ng và Lê Thị C hiện trú tại: Đội 5, ấp 1, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều

35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Đối với bị đơn ông Lê Văn Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, do đó căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyên là đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn bà M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn bà C, ông Nguyên phải trả số tiền gốc 900.000.000 đồng và lãi suất 12%/năm, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

[3] Quá trình thu thập chứng cứ cũng như các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào ngày 28/02/2022 giữa vợ chồng bà C, ông Nguyên với bà M có lập hợp đồng giao dịch dân sự cụ thể: Vợ chồng bà C, ông Nguyên lập hợp đồng vay của bà M số tiền 900.000.000đ(Chín trăm triệu đồng) hẹn đến ngày 28/7/2022 sẽ trả. Sau khi vay đến hạn nhưng bà C, ông Nguyên không trả, đã vi phạm thỏa thuận nghĩa vụ trả nợ, mặc dù bà Ngân đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyên, bà Cử trả gốc và lãi nhưng vẫn không trả và cố tình trốn tránh việc trả nợ và lãi. Do đó bà M khởi kiện yêu cầu ông Nguyên và bà C trả số tiền gốc vay 900.000.000đồng và lãi suất 12%/năm.

Xét trình bày nguyên đơn bà M là do khoảng năm 2017 bà M có nhận chuyển nhượng của bà C, ông Nguyên diện tích đất 10m x 40m tại ấp 1, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đất chưa có giấy chứng nhận QSDĐ. Bà C ông Nguyên hứa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C, ông Nguyên xong và sau đó làm thủ tục chuyển nhượng cho bà M. Tuy nhiên, từ năm 2017 cho đến năm 2022 bà C, ông Nguyên vẫn không làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ và không thực hiện thủ tục chuyển nhượng cho bà M được, nên ông Nguyên, bà C đã nhận lại diện tích đất này theo giá thị trường lúc bấy giờ là 900.000.000đồng và hai bên thống nhất chuyển số tiền này thành tiền vay và đã hủy bỏ giấy mua bán đất. Căn cứ vào chứng cứ giấy vay tiền ngày 28/02/2022 do vợ chồng ông Lê Văn Ng, bà Lê Thị C ký nhận và điểm chỉ mà bà M cung cấp nên trình bày của bà M là phù hợp với chứng cứ cũng như phù hợp với lời trình bày của người làm chứng nên được chấp nhận.

Quá trình làm việc và tại phiên tòa bà C không thừa nhận vay số tiền 900.000.000 đồng vì đây là số tiền mua đất và chỉ đồng ý trả số tiền mua đất 240.000.000đồng/10m đất. Tuy nhiên, bà C không đưa ra chứng cứ chứng M là tiền mua đất, hơn nữa theo chứng cứ bà M cung cấp và trình bày thì việc mua bán đất đã không hoàn thành và các bên đã thống nhất lập thành hợp đồng vay tiền có bà C, ông Nguyên ký nhận ngày 28/02/2022 và ông Nguyên, bà C nhận lại nợ của bà M số tiền 900.000.000đồng bằng giá trị của diện tích đất, nên trình bày của bà C là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với bị đơn yêu cầu tính lãi suất vay 12%/năm của số tiền vay 900.000.000đồng từ ngày 28/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, xét thấy tại hợp đồng vay tiền ngày 28/02/2022 các bên không ghi lãi suất, tuy nhiên quá trình làm việc nguyên đơn bà M yêu cầu tính lãi suất của số tiền vay 900.000.000đồng từ ngày đến hạn trả nợ 28/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 12/%/năm, xét yêu cầu của bà M phù hợp với quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp

nhận.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy:

[4] Cần buộc Lê Văn Ng và bà Lê Thị C có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị M số tiền gốc vay 900.000.000đồng và lãi suất 12% năm(1%/tháng) là phù hợp.

Lãi suất từ ngày 28/7/2022-16/6/2023 là 10 tháng 18 ngày x 1%/tháng x 900.000.000đồng = 95.400.000 đồng.

[5] Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không liên quan vụ án và đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6]*Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Nguyên, bà C phải chịu án phí dân sự có giá ngạch.

Tại phiên tòa quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 217; 227, 228, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các điều 117, 275, 385, 401, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M.

Buộc đồng bị đơn ông Lê Văn Ng và Lê Thị C phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà M số tiền gốc vay là 900.000.000 đồng và lãi suất 12/%/năm từ ngày 28/7/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 16/6/2023 là 10 tháng 18 ngày = 95.400.000đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi suất phải trả là 995.400.000 đồng*(chín trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án chậm thi hành án thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông ông Nguyên, bà C phải liên đới chịu án phí: 41.862.000 đồng.

2.2. Bà M không phải chịu án phí, trả lại cho bà M số tiền tạm ứng án phí 19.500.000đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019086 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND , VKSND tỉnh Bình Phước;
- CC THADS H. Đồng Phú;
- VKSND Đồng Phú;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

HUỲNH TÒA